

Số: 55/2025/QĐST – HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 200/2025/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1993; số căn cước công dân 096193006485 cấp ngày 17/12/2021.

2/ Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1994; số căn cước công dân 051094007438 cấp ngày 08/7/2022.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã V, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N, chị D qua quá trình tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/7/2022. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn với nhiều lý do bất đồng quan điểm, không quan tâm, chia sẻ nhau trong cuộc sống khiến cả hai đều rất mệt mỏi và anh, chị đã tự chia tay nhau không chung sống với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh N mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh N và chị D xác định có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 29/10/2023. Khi ly hôn, anh N và chị D thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A cho anh Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi vì hiện nay chị D đi làm xa không có điều kiện sống với con, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị D xác định không có.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc N và chị Phạm Thị Mỹ D thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh N và chị D xác định có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 29/10/2023. Khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc N và chị Phạm Thị Mỹ D thống nhất giao Nguyễn Ngọc Minh A cho anh Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc N và chị Phạm Thị Mỹ D xác định không có.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Ngọc N và chị Phạm Thị Mỹ D có nghĩa vụ chịu được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002336, ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND xã Vạn Tường
(ĐKKH ngày 04/7/2022);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

